

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT.

*) Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt. Đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-----------|--|--|-----------|
| I | Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư, thiết bị chủ yếu | | |
| 1.1 | Yêu cầu kỹ thuật đối với các loại vật tư, vật liệu thiết bị chủ yếu đưa vào thi công bao gồm: Gạch xây, gạch ốp lát, cát, đá, xi măng thép, bột bả, sơn tường, tôn lợp mái, vật tư thiết bị điện, nước, phòng cháy chữa cháy | Nhà thầu phải trình bày về nguồn gốc, xuất xứ, tiêu chuẩn kỹ thuật, của vật tư, vật liệu chính đưa vào sử dụng, phù hợp với hồ sơ thiết kế và tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. | Đạt |
| | | Không đề xuất hoặc nội dung đề xuất không đáp ứng yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| 1.2 | Mức độ đáp ứng yêu cầu về nguồn cung cấp các vật tư chính bao gồm: Gạch xây, gạch ốp lát, cát, đá, xi măng thép, bột bả, sơn tường, tôn lợp mái, vật tư thiết bị điện, nước, phòng cháy chữa cháy | Có bảng danh mục và hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp các vật tư thiết bị chính kèm theo. | Đạt |
| | | Không đề xuất hoặc nội dung đề xuất không đáp ứng yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| 1.3 | Yêu cầu về đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa thiết bị | Toàn bộ thiết bị, hàng hoá mới 100%. Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Nhà thầu phải có cam kết về tính đáp ứng yêu cầu về hàng hóa thiết bị kèm theo. | Đạt |
| | | Không đề xuất hoặc nội dung đề xuất không đầy đủ, không đáp ứng các yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| II | Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công | | |
| 2.1 | Tổ chức mặt bằng thi công và giải pháp thi công | Tổ chức mặt bằng thi công và giải pháp thi công hợp lý, khả thi phù hợp với thực tế công trường và điều kiện thi công | Đạt |

| | | | |
|------------|--|--|-----------|
| | | Không đề xuất hoặc nội dung đề xuất không đáp ứng yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| 2.2 | Biện pháp tổ chức thi công các hạng mục trình quy định trong điều khoản tham chiếu và hồ sơ thiết kế | Đề xuất đầy đủ biện pháp tổ chức thi công các hạng mục công trình đảm bảo tính hợp lý, khả thi, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ thiết kế, các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành và phù hợp với tiến độ thi công xây dựng | Đạt |
| | | Không đề xuất hoặc đề xuất biện pháp tổ chức thi công không đầy đủ (thiếu hạng mục cơ bản) hoặc đề xuất biện pháp không đáp ứng các yêu cầu nêu trên. | Không đạt |
| III | Cách thức quản lý dự án | | |
| 3.1 | Tổ chức điều hành công trường. | Có nêu đầy đủ sơ đồ tổ chức của Ban điều hành, thể hiện trách nhiệm và mối quan hệ liên hệ giữa các chức danh, phân công trách nhiệm của từng bộ phận và các tổ đội thi công phù hợp với quy mô công trình và tiến độ thi công xây dựng. | Đạt |
| | | Không đề xuất hoặc đề xuất không phù hợp, không đáp ứng các yêu cầu trên | Không đạt |
| IV | Biện pháp đảm bảo chất lượng | | |
| 4.1 | Biện pháp bảo đảm chất lượng vật tư, vật liệu đầu vào | Có biện pháp kiểm soát chất lượng vật tư, vật liệu đầu vào hợp lý, khả thi, phù hợp với biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | | Không trình bày hoặc trình bày nội dung không đầy đủ, không phù hợp. | Không đạt |
| 4.2 | Biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình thi công công trình | Có biện pháp bảo đảm chất thi công các hạng mục công trình hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | | Không đề xuất hoặc đề xuất biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Không đạt |
| V | Biện pháp đảm bảo an toàn lao động, VSMT, PCCC | | |
| 5.1 | Biện pháp đảm bảo an toàn lao động trong quá trình thi công | Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. Biện pháp an toàn phải thể hiện một số nội dung chính sau: an toàn lao động cho từng công đoạn thi công; an ninh | Đạt |

| | | | |
|------------|--|--|-----------|
| | | công trường, quản lý nhân sự, thiết bị... | |
| | | Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ, không đạt yêu cầu đối với các nội dung nêu trên. | Không đạt |
| 5.2 | Biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy và an toàn giao thông | Có biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy và an toàn giao thông theo đúng quy định của pháp luật liên quan | Đạt |
| | | Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ, không đạt yêu cầu đối với các nội dung nêu trên. | Không đạt |
| VI | Tiến độ thi công | | |
| 6.1 | Thời gian thi công | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 180 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công | Đạt |
| | | Đề xuất thời gian thi công vượt quá 180 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công. | Không đạt |
| 6.2 | Tiến độ thực hiện công việc, huy động nhân sự, máy móc thiết bị đảm bảo tính hợp lý, khả thi | Có biểu đồ tiến độ thực hiện công việc, huy động nhân lực, máy móc thiết bị hợp lý, khả thi, phù hợp với biện pháp tổ chức thi công. Có giải pháp đảm bảo tiến độ thi công trong các điều kiện khó khăn bất lợi. | Đạt |
| | | Không đề xuất hoặc nội dung đề xuất không đáp ứng các yêu cầu nêu trên | Không Đạt |
| VII | Bảo hành và Uy tín nhà thầu | | |
| 7.1 | Thời gian bảo hành công trình | Có đề xuất thời gian bảo hành công trình ≥ 12 tháng | Đạt |
| | | Không đề xuất hoặc đề xuất không đáp ứng yêu cầu nêu trên. | Không Đạt |
| 7.2 | Uy tín của nhà thầu thông qua việc hiện hợp đồng tương tự trong thời gian từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu | Có ít hơn 02 hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu (có cam kết kèm theo) | Đạt |
| | | Có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu. | Không đạt |
| | Kết luận | Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt | Đạt |
| | | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết xác định là không đạt | Không đạt |

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

Không áp dụng